TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2018/QĐST-HNGĐ	*Phú Lộc, ngày 20 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1972. Địa chỉ: T, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc nuôi con chung:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đức V, sinh ngày 01/01/2007 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến con đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Thị Mộng X, sinh ngày 06/3/2000, đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm gì về thể chất, tâm thần nên chị Trần Thị T, anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T thuận chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 001787 ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Nam